

Số: 02/2020/QĐST-KDTM

*Tam Điệp, ngày 22 tháng 5 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2020/TLST- KDTM ngày 26 tháng 02 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

**Nguyên đơn:** Ngân hàng

Địa chỉ: 35 H, Phường L, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch HĐQT Ngân hàng

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn T - Giám đốc Ngân hàng Chi nhánh T. (Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng, phá sản và thi hành án dân sự số 804/QĐ-BIDV ngày 22/08/2019 của Người đại diện theo pháp luật Ngân hàng)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phạm Tiến H – Chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp – Chi nhánh Ngân hàng Tam Điệp.

(Theo văn bản ủy quyền lại ngày 12/5/2020 về việc ủy quyền tham gia tố tụng)

**Bị đơn:** Công ty Trách nhiệm hữu hạn A

Địa chỉ: Thôn X, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Phạm Anh T, nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã Q, huyện N, tỉnh

Ninh Bình là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Chủ tịch công ty kiêm giám đốc).

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh: Phạm Anh T, sinh năm: 1980.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Chị: Đỗ Thị H, sinh năm 1981.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Đỗ Thị H: anh Phạm Anh T, sinh năm 1980, Thôn Đ, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1.** Công ty TNHH A phải trả nợ cho Ngân hàng : Tổng số tiền tạm tính đến ngày 14/5/2020 là: 6.937.563.877 đồng (bằng chữ: *Sáu tỷ, chín trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm bảy mươi bảy đồng*), trong đó:

+ Nợ gốc là 5.031.000.000 đồng (Năm tỷ, không trăm ba mươi một triệu đồng).

+ Nợ lãi là 1.906.563.877 đồng (Một tỷ, chín trăm linh sáu triệu, năm trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm bảy mươi bảy đồng).

Thời hạn trả nợ:

- Lần 1: từ ngày 15/5/2020 đến trước ngày 31/12/2020 Công ty TNHH A phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng).

- Lần 2: từ ngày 31/12/2020 đến trước ngày 30/6/2021 Công ty TNHH A phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

- Lần 3 từ ngày 30/6/2021 đến trước ngày 31/12/2021 Công ty TNHH A phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

- Lần 4: từ ngày 31/12/2021 đến trước ngày 30/6/2022 Công ty TNHH A phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

- Lần 5: từ ngày 30/6/2022 đến trước ngày 31/12/2022 Công ty TNHH A phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

- Lần 6: từ ngày 31/12/2022 đến trước ngày 30/6/2023 Công ty TNHH A phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 631.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng).

- Lần 7: từ ngày 30/6/2023 đến trước ngày 31/12/2023 Công ty TNHH A phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi còn nợ lại là 1.906.563.877 đồng (một tỷ, chín trăm linh sáu triệu, năm trăm sáu mươi ba nghìn, tám trăm bảy mươi bảy đồng) và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 15/5/2020.

**2.2.** Kể từ ngày 15/5/2020 cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 20086/2016/7663213/HĐTD ngày 20/01/2016 và hợp đồng tín dụng số 20273/2016/7663213/HĐTD ngày 21/11/2016 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

**2.3.** Trường hợp Công ty TNHH A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mại đối với tài sản thế chấp sau đây để thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

- Tài sản thuộc quyền sở hữu của công ty TNHH A bao gồm:
  - + Đầu kéo nhãn hiệu Freightliner, biển kiểm soát 35C- 034.38;
  - + Đầu kéo nhãn hiệu Freightliner, biển kiểm soát 35C- 033.65;
  - + Đầu kéo nhãn hiệu Freightliner, biển kiểm soát 35C- 047.03;
  - + Romooc nhãn hiệu CIMC, biển kiểm soát 35R- 001.75, container 45feet và máy phát điện;
  - + Romooc nhãn hiệu CIMC, biển kiểm soát 35R- 002.36, container 45feet và máy phát điện;
  - + Romooc nhãn hiệu CIMC, biển kiểm soát 35R- 003.32, container 45feet và máy phát điện.

(Theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 20012/2016/7663213/HĐBĐ ngày 20/01/2016 và văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 20012/2016/7663213/HĐBĐ ngày 20/01/2016 số 20139/2016/7663213/SĐBS ngày 23/8/2016.)

- Tài sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của ông Phạm Anh T và bà Đỗ Thị H:

+ Quyền sử dụng 120 m<sup>2</sup> đất trên thửa đất số 146, tờ bản đồ số 44 lập năm 2010 tại xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu của ông Phạm Anh T và vợ là bà Đỗ Thị H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 601104 do UBND huyện N cấp ngày 02/10/2015 (Theo hợp đồng thế chấp tài sản tiền vay số 20201/2015/5300838/HĐBĐ ngày 30/10/2015).

+ Quyền sử dụng 181,7 m<sup>2</sup> đất và nhà mái ngói, diện tích xây dựng 70m<sup>2</sup> trên thửa đất số 66, tờ số 44, lập năm 2010; địa chỉ thửa đất: Xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng BA 876926 do UBND huyện N cấp ngày 03/02/2010 mang tên Phạm Anh T (Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 20131/2015/5300838/HĐBĐ ngày 23/07/2015).

+ Quyền sử dụng 146,2m<sup>2</sup> đất trên thửa đất số 67, tờ số 44, lập năm 2012; địa chỉ thửa đất: Xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BH 376804 do UBND huyện N cấp ngày 13/06/2012 mang tên Phạm Anh T (Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 20131/2015/5300838/HĐBĐ ngày 23/07/2015).

+ Quyền sử dụng 124m<sup>2</sup> đất trên thửa đất số 145, tờ số 44, lập năm 2012; địa chỉ thửa đất: Xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BH 376802 do UBND huyện N cấp ngày 13/06/2012 mang tên Đỗ Thị H (Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 20131/2015/5300838/HĐBĐ ngày 23/07/2015).

**2.4. Về giấy tờ:** Ngân hàng tiếp tục được quản lý giấy tờ đối với tài sản thế chấp là:

+ Giấy đăng ký của: Đầu kéo nhãn hiệu Freightliner, biển kiểm soát 35C-034.38; Đầu kéo nhãn hiệu Freightliner, biển kiểm soát 35C-033.65; Đầu kéo nhãn hiệu Freightliner, biển kiểm soát 35C-047.03; Romooc nhãn hiệu CIMC, biển kiểm soát 35R-001.75, contener 45feet và máy phát điện; Romooc nhãn hiệu CIMC, biển kiểm soát 35R-002.36, contener 45feet và máy phát điện; Romooc nhãn hiệu CIMC, biển kiểm soát 35R-003.32, contener 45feet và máy phát điện

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 601104 do UBND huyện N cấp ngày 02/10/2015 (Theo hợp đồng thế chấp tài sản tiền vay số 20201/2015/5300838/HĐBĐ ngày 30/10/2015).

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng BA 876926 do UBND huyện N cấp ngày 03/02/2010 mang tên Phạm Anh Tuấn (Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 20131/2015/5300838/HĐBĐ ngày 23/07/2015).

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BH 376804 do UBND huyện N cấp ngày 13/06/2012 mang tên Phạm Anh Tuấn (Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 20131/2015/5300838/HĐBĐ ngày 23/07/2015).

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng số BH 376802 do UBND huyện N cấp ngày 13/06/2012 mang tên Đỗ Thị Hương (Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 20131/2015/5300838/HĐBĐ ngày 23/07/2015).

Ngân hàng phải trả lại giấy tờ nêu trên cho công ty TNHH A, anh Phạm Anh T và chị Đỗ Thị H khi công ty TNHH A thanh toán xong các khoản nợ.

#### **2.5. Về án phí:**

Công ty TNHH A phải nộp 57.468.000 đồng (Năm mươi bảy triệu, bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.368.000 đồng (Năm mươi bảy triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001573 ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Tam Điệp;
- Chi cục THADS TP. Tam Điệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(Đã ký)**

**Quách Thành Trung**